

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2025

“V/v: Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy KH

Ông Nguyễn Sỹ Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị A Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai Tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2025/HNGĐ-ST ngày 12-5-2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-7-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 18-8-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1997 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 9, xã Kim T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (cũ) nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Ông Đỗ Viết L, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 9, xã L H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và Ông Đỗ Viết L tự nguyện đi đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước (nay là xã L H, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 19-12-2014. Sau khi kết hôn giữa bà D và ông L chung sống hạnh phúc được khoảng gần 4 năm thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, mâu thuẫn càng ngày trầm trọng kể từ khi sinh người con thứ hai, từ đó vợ chồng ông, bà sống ly thân, kể từ thời điểm ly thân thì ông L không quan tâm gì đến hai đứa con, một mình bà D nuôi hai đứa con và ly thân năm từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy kính mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa bà D và ông L có 02 người con chung tên Đỗ Viết H, sinh năm 2015; Nguyễn Hoài A, sinh năm 2017; Khi ly hôn bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi con các con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Ông Đỗ Viết L nhưng ông L không lên Tòa án để giải quyết vì vậy không có lời khai của ông L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với bị đơn Ông Đỗ Viết L.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa bà D và ông L có 02 người con chung tên Đỗ Viết H, sinh năm 2015; Nguyễn Hoài A, sinh năm 2017; Khi ly hôn bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi các con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Do các cháu H và A đang trực tiếp sống với bà D nên đề nghị giao các con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tranh tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”, bị đơn hiện cư trú tại Thôn 9, xã L H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai).

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Ông Đỗ Viết L vắng mặt nhưng trước đó đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhiều lần và mở phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do, nên được xem như ông từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D cho rằng, trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau, ông L không phụ bà D chăm sóc các con chung, không lo lắng cho cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, bà D và ông L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện R, tỉnh Bình Phước (nay là xã L H, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 19-12-2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông L đến tòa để làm việc, tham gia phiên hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống thì địa phương không biết mâu thuẫn giữa ông bà do ông bà không nhờ ban thôn hòa giải và ông L, bà D cũng không có mặt tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà D là phù hợp.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giữa bà D và ông L có 02 người con chung tên Đỗ Viết H, sinh năm 2015; Nguyễn Hoài A, sinh năm 2017. Hiện các cháu H và A đang trực tiếp sống với bà D tại xã ĐH, tỉnh Ninh Bình và bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên có xem

xét nguyện vọng của các cháu. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-6-2025 thì cháu Đỗ Viết H và cháu Nguyễn Hoài A có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà D, do vậy để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất tinh thần của các cháu. Căn cứ vào nguyện vọng của đương sự, cần chấp nhận tuyên giao con chung là các cháu Đỗ Viết H, sinh năm 2015 và cháu Nguyễn Hoài A, sinh năm 2017 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên cần ghi nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp Ly hôn”.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với Ông Đỗ Viết L.

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị D và Ông Đỗ Viết L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Đỗ Viết H, sinh ngày 17-5-2015 và cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 20-3- 2017 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu

của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0011841, ngày 12-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11- Đồng Nai). Bà D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D và Ông Đỗ Viết L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai (1);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- Ủy ban nhân dân xã L H (3);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hảo